

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 – 02 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 516/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Bé L, sinh năm 2000. Cư trú tại: Khóm E, phường T2, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lục Chí T, sinh năm 1996. Cư trú tại: Ấp A, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Chị Cao Bé L trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Lục Chí T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống do bất đồng quan điểm nên xảy ra mâu thuẫn, anh T nhiều lần hành hung, đánh đập đối với chị; mặc dù đã được gia đình hòa giải hàn gắn nhưng anh T vẫn không khắc phục. Từ các nguyên nhân trên, chị L xác định không thể hàn gắn quay lại chung sống nên xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 người con tên Cao Chí T1 do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi Chí T1, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản và nợ: Các đương sự xác định không có.

* *Đối với anh Lục Chí T*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh T không có ý kiến gì về các nội dung mà chị L khởi kiện và không tham gia hòa giải, xét xử vụ án tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Cao Bé L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lục Chí T đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Theo chị L, chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống do bất đồng quan điểm nên xảy ra mâu thuẫn, anh T nhiều lần hành hung, đánh đập đối với chị; mặc dù đã được gia đình hòa giải hàn gắn nhưng anh T vẫn không khắc phục nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn mà chị L đã đặt ra.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy rằng: Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của chị L mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Có 01 người tên Cao Chí T1, khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi Chí T1; anh T không có ý kiến gì về yêu cầu của chị L.

Xét thấy, hiện nay Chí T1 chưa tròn 36 tháng tuổi và do chị L đang nuôi dưỡng trong khi anh T không có ý kiến gì. Do vậy, để ổn định trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản và nợ: Chị L xác định không có, anh T không có ý kiến gì về vấn đề này nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Bé L và anh Lục Chí T.

2. Về con chung: Giao Cao Chí T1 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008753 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị L đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn